

Bản án số: 05/2022/HS-PT-NCTN
Ngày: 07-9-2022

**NHÂN DÂN
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần M Quang;

Các Thẩm phán: Bà Vũ Ngọc Hà và bà Lê Thị Thái Lan;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thục Uyên - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thị M T - Kiểm sát viên.

Ngày 07/9/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 03/2022/TLPT-HS-CTN ngày 13 tháng 7 năm 2022 đối với bị cáo Lê Văn V và các đồng phạm, do có kháng cáo của bị cáo Lê Văn V, Bùi ThA T, Trịnh Hoàng M, Trần ThA T và Phạm Lê Phong A đối với bản án hình sự sơ thẩm số 44/2022/HSST ngày 30 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Lê Văn V, sinh ngày 09/02/2004 tại Phú Yên (*đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 03 tháng 20 ngày*); nơi cư trú: Khu phố Ninh Tịnh 5, Phường 9, thành phố TH, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: V Nam; con ông Lê Văn Chính, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị Kiều, sinh năm 1965; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo V: Ông Lê Văn Chính, sinh năm 1964; bà Nguyễn Thị Kiều, sinh năm 1965; cùng nơi cư trú: Khu phố Ninh Tịnh 5, Phường 9, thành phố TH, tỉnh Phú Yên; ông Chính vắng mặt, bà Kiều có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo V: Ông Nguyễn Hương Quê - Luật sư của Văn phòng luật sư Phúc Luật thuộc Đoàn luật sư tỉnh Phú Yên; có mặt.

2. Bùi ThA T, sinh ngày 20/5/2003 tại Phú Yên (*đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 17 tuổi 09 ngày*); nơi cư trú: 138/31 Nguyễn Công Trứ, Phường 6, thành phố TH, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Làm biển; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: V Nam; con ông: Bùi Văn Tuấn, sinh năm 1978 và bà Cao Thị Vàng, sinh năm 1977; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo T: Ông Bùi Văn Tuấn, sinh năm 1978; bà Cao Thị Vàng, sinh năm 1977; cùng cư trú: 138/31 Nguyễn Công Trứ, Phường 6, thành phố TH, tỉnh Phú Yên; ông Tuấn vắng mặt, bà Vàng có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo T: Bà Trần Thị Như Thủy - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung T Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Yên; có mặt.

3. Trịnh Hoàng M, sinh ngày 27/4/2003 tại Phú Yên (*đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 17 tuổi 01 tháng 02 ngày*); nơi cư trú: 102/23 Nguyễn Công Trứ, Phường 6, thành phố TH, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: V Nam; con ông Trịnh Văn Chơn, sinh năm 1968 và bà Hồ Thị Hận, sinh năm 1971; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo M: Ông Trịnh Văn Chơn, sinh năm 1968; bà Hồ Thị Hận, sinh năm 1971; nơi cư trú: 102/23 Nguyễn Công Trứ, Phường 6, thành phố TH, tỉnh Phú Yên; ông Chơn có mặt, bà Hận vắng mặt.

Người bào chữa cho bị cáo M: Ông Nguyễn Ninh – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung T Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Yên; có mặt.

4. Trần ThA T, sinh ngày 05/7/2003 tại Phú Yên (*đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 10 tháng 24 ngày*); nơi cư trú: 138/31 Nguyễn Công Trứ, Phường 6, thành phố TH, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: V Nam; con ông Trần Quốc Hưng, sinh năm 1975 và bà Bùi Thị Tú Trinh, sinh năm 1980; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo T: Ông Trần Quốc Hưng, sinh năm 1975; bà Bùi Thị Tú Trinh, sinh năm 1980; cư trú tại: 138/31 Nguyễn Công Trứ, Phường 6, thành phố TH, tỉnh Phú Yên; đều có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo T: Ông Nguyễn Ninh – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung T Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Phú Yên; có mặt.

5. Phạm Lê Phong A, sinh ngày 13/3/2003 tại Phú Yên (*đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 17 tuổi 02 tháng 16 ngày*); cư trú tại: 70/17 Trần Hưng Đạo, Phường 6, thành phố TH, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: V Nam; con ông Phạm ThA Tú, sinh năm 1977 và bà Lê Thị Tuyết Phượng, sinh năm 1979; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo A: Ông Phạm ThA Tú, sinh năm 1977; bà Lê Thị Tuyết Phượng, sinh năm 1979; cư trú tại: 70/17 Trần Hưng Đạo, Phường 6, TP. TH, tỉnh Phú Yên; đều có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo A: Ông Nguyễn Ninh – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung T Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Phú Yên; có mặt.

Người bị hại:

Nguyễn Chí Vỹ, sinh ngày 27/3/2003; nơi cư trú: Khu phố Ninh Tịnh 2, Phường 9, TP. TH, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Ông Nguyễn Ái Vĩnh, sinh năm 1956; bà Nguyễn Thị Muội, sinh năm 1961; cư trú tại: khu phố Ninh Tịnh 2, Phường 9, TP. TH, tỉnh Phú Yên; đều vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

A Nguyễn Huy Tuấn, sinh ngày 12/5/2003; cư trú tại: thôn Ngọc Lãng, xã Bình Ngọc, thành phố TH, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

A Nguyễn Phúc Phát, sinh ngày 30/11/2003; cư trú tại: khu phố Ninh Tịnh 5, Phường 9, TP. TH, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

A Phan Ngọc DA, sinh ngày 27/5/2003; cư trú tại: thôn Phú Vang, xã Bình Kiến, thành phố TH, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

A Trương Mạnh Tài, sinh ngày 03/01/2003; cư trú tại: 15/5A Nguyễn Công Trứ, Phường 4, thành phố TH, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

A Lê Văn Đại, sinh ngày 01/9/2003; cư trú tại: 96 Lê Trung Kiên, Phường 1, thành phố TH, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trịnh Hoàng M có mâu thuẫn với Tuấn từ trước nên M hẹn Tuấn đêm ngày 29/5/2020 sẽ gặp nhau tại khu vực ngã ba Phan Lưu ThA - Lê Duẩn thuộc khu phố Lê Duẩn, Phường 7, thành phố TH để giải quyết mâu thuẫn. M rủ Trần ThA T và Phạm Lê Phong A cùng đi giúp M đánh lại Tuấn nếu xảy ra đánh nhau thì T và Phong A đồng ý. T điện thoại cho Bùi ThA T rủ đi giải quyết mâu thuẫn giúp M thì T đồng ý rồi T điện thoại rủ Lê Văn V và bảo V đến chờ T đi. Khi V điều khiển xe mô tô đến nhà T thì T lấy một cây kiếm Nhật bỏ dọc theo pô xe rồi đi cùng V đến ngã ba Lê Duẩn - Lý Thường Kiệt gặp M, T và Phong A. Tại đây, trong lúc nói chuyện thì M và T đều thấy V, T mang theo kiếm. Trước khi đi gặp nhóm của Tuấn, Phong A đề cho T gọi nhờ xe tại nhà mình rồi chờ T quay lại chỗ cả nhóm đang tập trung. Sau đó, cả nhóm đi trên 03 xe mô tô đến khu vực hẹn với Tuấn, trên đường đi, Phong A biết T, V có mang theo hung khí nhưng vẫn đi cùng.

Khoảng 23 giờ cùng ngày, M gặp nhóm Tuấn nói chuyện thì xảy ra xô xát với nhau bằng tay, chân. Thấy nhóm của Tuấn đông người nên Phong A và T không dám vào giúp M. T giơ tay ra hiệu để V và T biết vị trí M đang bị đánh; V cầm kiếm xông vào cùng T và M rượt đuổi nhóm Tuấn bỏ chạy. Lúc này, thấy Nguyễn Chí Vỹ là người trong nhóm Tuấn đang lên xe chưa kịp bỏ chạy thì M đến chặn xe rồi cầm cổ áo Vỹ giữ lại hỏi Vỹ về những người trong nhóm Tuấn. Vỹ chưa trả lời thì T đến dùng tay đánh một cái vào mặt Vỹ; V đến dùng báng kiếm đánh vào sau gáy của Vỹ nhưng chưa gây thương tích; V tiếp tục cầm kiếm chém từ trên xuống qua trái hướng vào phần vai của Vỹ, Vỹ đưa tay lên đỡ nên bị chém trúng khuỷu tay trái gây thương tích. Tiếp đó, M cầm cổ áo Vỹ kéo vào lề đường tiếp tục tra hỏi. Những người dân gần đó thấy người Vỹ chảy máu liền đến can ngăn nên M cùng cả nhóm

bỏ đi. Vũ được đưa đến bệnh viện cấp cứu và điều trị. T đến nhà Phong A lấy xe T đã gửi đi về. Đối với cây kiểng Nhật là công cụ gây án, T khai đã ném xuống khu vực cảng cá Phường 6 nên Cơ quan Công an đã truy tìm nhưng không thu giữ được.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 213/TgT ngày 31/7/2020 của Trung T pháp y tỉnh Phú Yên Hoà kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể của Nguyễn Chí Vũ là 58% do vật có cạnh sắc gây ra.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu các bị cáo phải bồi thường tiền chi phí hợp lý điều trị thương tích, thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc bị hại, tiền tổn thất về tinh thần tổng cộng là 140.000.000đ; Các bị cáo V, T, M đã bồi thường 40.000.000đ, bị cáo T bồi thường 5.000.000đ, nên tiếp tục yêu cầu các bị cáo bồi thường 95.000.000đ.

Bản án hình sự sơ thẩm số 44/2022/HSST ngày 30 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa đã tuyên: Căn cứ vào điểm c khoản 3 Điều 134, điểm s khoản 1 Điều 51, 91, 101 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo; căn cứ thêm điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo V, M, T, T và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo V, M, T; căn cứ thêm điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo M, T, T; căn cứ thêm khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo T và Phong A.

Phạt bị cáo Lê Văn V 05 năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Phạt bị cáo Bùi ThA T 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Phạt bị cáo Trịnh Hoàng M 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Phạt bị cáo Trần ThA T 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Phạt bị cáo Phạm Lê Phong A 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự thoả thuận của người đại diện hợp pháp của bị hại và các bị cáo; các bị cáo phải bồi thường cho bị hại Nguyễn Chí Vũ 140.000.000 đồng. Các bị cáo V, M, T và T đã bồi thường 45.000.000đ còn lại các bị cáo phải bồi thường cho bị hại 95.000.000đ, trong đó: các bị cáo V, M, T và Phong A mỗi bị cáo phải bồi thường 20.000.000đ; bị cáo T phải bồi thường 15.000.000đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phân xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

-Ngày 06/6/2022, bị cáo Trịnh Hoàng M kháng cáo xin xin được hưởng án treo;

-Ngày 13/6/2022 bị cáo Lê Văn V kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt;

- Ngày 31/5/2022 bị cáo Trần ThA T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt;
- Ngày 31/5/2022 bị cáo Phạm Lê Phong A kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt;
- Ngày 13/6/2022 bị cáo Bùi ThA T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

-Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Toà áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 của Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

-Luật sư bào chữa cho bị cáo V: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm hình phạt cho bị cáo; bị cáo V: Xin giảm nhẹ hình phạt;

-Luật sư bào chữa cho bị cáo T: Cho rằng Toà cấp sơ thẩm áp dụng điểm 0 khoản 1 Điều 52 đối với bị cáo T là không đúng, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo T: Xin giảm nhẹ hình phạt;

-Luật sư bào chữa cho bị cáo M, bị cáo T và bị cáo Phong A: Cho rằng Toà cấp sơ thẩm xử phạt quá nghiêm khắc, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo M, T và Phong A;

-Bị cáo M: Thay đổi nội dung kháng cáo, vừa xin giảm nhẹ hình phạt vừa xin được hưởng án treo; bị cáo T: Xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo Phong A: Xin giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tra luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa đều phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người bị hại, cùng các chứng cứ, tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án, nên cấp sơ thẩm đã truy tố, xét xử các bị cáo về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm c khoản 3 Điều 134 BLHS là có căn cứ, đúng người đúng tội.

[2] Xét hành vi của từng bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Bị cáo Lê Văn V là người trực tiếp thực hiện hành vi dùng kiếm gây thương tích cho bị hại. Bị cáo là người bị người khác xúi giục, tuy nhiên bị cáo là người có đủ năng lực để nhận thức hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn thực hiện.

Bị cáo Bùi ThA T không trực tiếp gây thương tích cho bị hại nhưng bị cáo là người khi nghe bị cáo T rủ đi giúp M để đánh lại nhóm của Tuấn thì bị cáo đã điện thoại rủ bị cáo V là người dưới 18 tuổi đi cùng và bị cáo còn chuẩn bị kiếm mang

theo để bị cáo V sử dụng gây thương tích cho người bị hại; bị cáo T còn dùng tay đánh một cái vào mặt của bị hại Vỹ nhưng chưa gây thương tích.

Bị cáo Trịnh Hoàng M là người khởi xướng nhờ bị cáo T và Phong A cùng đi để đánh lại Tuấn nếu xảy ra đánh nhau. Khi thấy bị hại Vỹ chưa kịp lên xe bỏ chạy thì bị cáo đã đến chặn xe rồi cầm cổ áo Vỹ tra hỏi để V đến chém vào người Vỹ.

Bị cáo Trần ThA T khi nghe bị cáo M nhờ đi cùng để giải quyết mâu thuẫn với Tuấn thì bị cáo đã gọi cho T cùng đi. Khi thấy nhóm của Tuấn và M xảy ra xô xát, bị cáo đã chỉ chỗ để V và T biết vị trí đến đánh lại, sau đó V gây thương tích cho bị hại Vỹ.

Bị cáo Phạm Lê Phong A biết bị cáo M cùng các bị cáo khác bàn bạc việc đi đánh lại nhóm của Tuấn nếu xảy ra đánh nhau và thấy bị cáo T chuẩn bị kiếm nhưng bị cáo vẫn thông nhất đi theo các bị cáo khác.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến sức khỏe của người bị hại mà còn gây mất trật tự an toàn ở địa phương, nên Toà cấp sơ thẩm xử phạt nghiêm là phù hợp với hành vi và hậu quả do các bị cáo gây ra.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Bản án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi của từng bị cáo, đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đã áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội, xử phạt mức hình phạt đối với từng bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, sau khi Tòa sơ thẩm xét xử các bị cáo: V, T, Phong A và bị cáo M đã nộp kháng phúc đủ số tiền bồi thường cho người bị hại và người bị hại cũng có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, nên đây được xem là tình tiết mới tại phiên tòa, thể hiện sự ăn năn hối cải, nhận thức về hành vi của các bị cáo. Ngoài ra, khi phạm tội các bị cáo chưa thành niên, các bị cáo nhận thức được hành vi sai trái của mình. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với các bị cáo V, T, Phong A và bị cáo M để các bị cáo sớm hoà nhập với cộng đồng, có điều kiện phấn đấu trở thành người có ích cho xã hội.

Đối với bị cáo yêu cầu kháng cáo của bị cáo T, Hội đồng xét xử thấy Tòa sơ thẩm xử phạt bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật và tại phiên tòa phúc thẩm cũng không phát sinh tình tiết mới để xem xét, nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo bị cáo T.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo và kháng nghị, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Các bị cáo V, T, Phong A và M kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; bị cáo T kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự; Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 44/2022/HSST, ngày 30/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Căn cứ vào điểm c khoản 3 Điều 134, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo; căn cứ thêm điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Lê Văn V, Trịnh Hoàng M, Trần ThA T, Bùi ThA T và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Lê Văn V, Trịnh Hoàng M, Trần ThA T; căn cứ thêm điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Trịnh Hoàng M, Trần ThA T, Bùi ThA T; căn cứ thêm khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần ThA T và Phạm Lê Phong A; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố:

Các bị cáo Lê Văn V, Trịnh Hoàng M, Bùi ThA T, Trần ThA T và Phạm Lê Phong A phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Phạt bị cáo Lê Văn V 05 (năm) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Phạt bị cáo Bùi ThA T 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Phạt bị cáo Trịnh Hoàng M 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Phạt bị cáo Trần ThA T 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Phạt bị cáo Phạm Lê Phong A 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo Lê Văn V, Trịnh Hoàng M, Trần ThA T và Phạm Lê Phong A mỗi bị cáo phải bồi thường 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*); bị cáo Bùi ThA T phải bồi thường 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*) cho người bị hại Nguyễn Chí Vỹ.

Các bị cáo Trần ThA T và Phạm Lê Phong A đã nộp đủ số tiền 20.000.000đ (*Hai chục triệu đồng*) cho người bị hại theo biên bản giao nhận tiền ngày 30/5/2022 giữa đại diện hợp pháp của bị cáo và đại diện của bị hại.

Bị cáo Trịnh Hoàng M đã nộp đủ số tiền 20.000.000đ (*Hai chục triệu đồng*) cho người bị hại theo biên bản giao nhận tiền ngày 30/8/2022 giữa đại diện hợp pháp của bị cáo và đại diện của bị hại.

Bị cáo Lê Văn V đã nộp đủ số tiền 20.000.000đ (*Hai chục triệu đồng*) theo biên lai thu tiền số 0002558, ngày 27/7/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên; người bị hại Nguyễn Chí Vỹ, người đại diện bị hại được quyền liên hệ Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên để nhận số tiền trên.

Buộc bị cáo Bùi ThA T phải còn phải bồi thường cho người bị hại Nguyễn Chí Vỹ 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi xong khoản tiền phải trả thì còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại 357 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí:

-Đối với án phí hình sự sơ thẩm: Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm;

-Đối với án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Các bị cáo Lê Văn V, Trịnh Hoàng M, Trần ThA T và Phạm Lê Phong A không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm;

Buộc bị cáo Bùi ThA T phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự phúc thẩm;

-Đối với án phí dân sự: Buộc bị cáo Bùi ThA T phải chịu 750.000đ (*bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao (1);
- TAND TP Tuy Hòa (2);
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- Phòng KTNV-THA (1);
- CA. TP Tuy Hòa (1);
- Sở tư pháp (1);
- Bị cáo (1);
- Người tham gia tố tụng khác (1);
- Lưu án văn (1), lưu hồ sơ (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần M Quang